

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN THỂ DỤC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CỦA CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA

TRƯƠNG MINH HUẤN*

Ngày nhận bài: 10/06/2016; ngày sửa chữa: 15/06/2016; ngày duyệt đăng: 15/06/2016.

Abstract: The article analyses situation of professional activities of physical education teaching staffs at secondary schools of mountainous districts, Thanh Hoa province. Based on this analysis, author predicts demand on physical education teachers of secondary schools in these districts in the context of education reform in the period of 2015-2020.

Keywords: Physical education, teacher, Thanh Hoa province, mountainous districts.

Đội ngũ giáo viên thể dục (GVTD) trong trường học luôn là yếu tố quyết định đến chất lượng công tác giáo dục thể chất trong nhà trường, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo thế hệ trẻ cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, có trí tuệ phát triển và đạo đức trong sáng. Do vậy, việc đảm bảo đủ giáo viên (GV) môn *Thể dục* (TD) về số lượng và chất lượng cho tất cả các trường học nói chung và cho các trường trung học cơ sở (THCS) nói riêng luôn là nhiệm vụ trọng tâm của ngành GD-ĐT.

1. Thực trạng đội ngũ GVTD ở các huyện miền núi Thanh Hóa

1.1. Về số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ GVTD của các trường THCS thuộc 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa. Để làm rõ thực trạng số lượng và chất lượng GVTD ở các trường THCS của 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa, tác giả đã điều tra thực tế bằng phiếu phỏng vấn tại các Phòng GD-ĐT của các huyện (năm 2014) và kết hợp với số liệu do Sở GD-ĐT Thanh Hóa cung cấp, kết quả được tổng hợp ở *bảng 1*.

Bảng 1 cho thấy, đội ngũ GVTD của các trường THCS thuộc 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa đã tương đối ổn định về số lượng. Tuy nhiên, việc phân bổ GV chưa đồng đều giữa các huyện, một số huyện thiếu GVTD như: Bá Thước, Cẩm Thủy, Mường Lát, Ngọc Lặc, Quan Sơn, Quan Hoá. *Tỉ lệ HS trên một GV chưa đồng đều*, một số huyện cao hơn so với quy định, như: Bá Thước, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành (quy định là 350 HS/1 GV). Một số trường phải

sử dụng GV bộ môn khác dạy kiêm nhiệm môn TD. Trình độ GV đều *đạt chuẩn và vượt chuẩn* (theo quy định, GV dạy THCS phải có trình độ cao đẳng), trình độ đại học chiếm 37,5%, trình độ cao đẳng 62,5% và không có GV trình độ trung cấp.

1.2. Về công việc thường xuyên của GVTD ở các trường THCS huyện miền núi tỉnh Thanh Hoá.

Để biết được công việc hàng ngày, hàng tuần của GVTD THCS, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 60 GV ở các trường THCS trên địa bàn 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hoá, kết quả được trình bày ở *bảng 2*.

Bảng 2 cho thấy, toàn bộ GVTD đều dạy chính khoá môn TD, hướng dẫn HS hoạt động ngoại khoá ngoài giờ học cũng như trong hoạt động hè và tổ chức việc kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cho HS. Hầu hết GVTD đều tham gia các hoạt động thể thao trong nhà trường như Hội khỏe Phù Đổng, tập huấn

Bảng 1. Thực trạng đội ngũ GVTD của các trường THCS thuộc 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hoá hiện nay

TT	Huyện, thị, thành phố	Số lượng GV	Trình độ						Tỉ lệ học sinh (HS)/GV
			Đại học	%	Cao đẳng	%	Trung học	%	
1	Bá Thước	24	8	33,3	16	66,7	0	0	355/GV
2	Cẩm Thủy	25	9	36,0	16	64,0	0	0	402/GV
3	Mường Lát	9	3	33,0	6	67,0	0	0	321/GV
4	Ngọc Lặc	32	14	43,8	18	56,2	0	0	361/GV
5	Ngũ Thanh	16	6	37,5	10	62,5	0	0	312/GV
6	Thường Xuân	18	8	44,4	10	55,6	0	0	295/GV
7	Quan Sơn	15	5	33,3	10	66,7	0	0	285/GV
8	Lang Chánh	14	5	35,7	9	64,3	0	0	310/GV
9	Quan Hoá	17	6	35,2	11	64,8	0	0	351/GV
10	Thạch Thành	30	12	40,0	18	60,0	0	0	398/GV
11	Như Xuân	15	6	40,0	9	60,0	0	0	350/GV
Tổng cộng		215	82	37,5	133	62,5			

* Trưởng Đại học Hồng Đức

Bảng 2. Thực trạng công việc thường xuyên của GVTD ở các trường THCS 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hoá

TT	Nội dung	Kết quả phỏng vấn (n = 60)	
		Số người đồng ý	Tỉ lệ %
1	Dạy chính khoá môn TD	60	100
2	Tổ chức hoạt động ngoại khoá trong năm học	55	91,6
3	Tổ chức hoạt động thể dục thể thao (TDTT) trong dịp hè	46	76,6
4	Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng của trường	50	83,3
5	Tập huấn các đội tuyển thể thao của trường	60	100
6	Tham gia các giải thi đấu thể thao do huyện, thành phố, tỉnh tổ chức	42	70
7	Các công việc khác như:		
	- Tổng phụ trách đội	21	35
	- Chủ nhiệm lớp	0	0
	- Phụ trách câu lạc bộ	56	93,3
	- Bí thư chi đoàn	15	25
	- Tổ chức việc kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cho HS	60	100

đội tuyển và tham gia các giải thể thao do huyện tổ chức. Có một số GVTD ngoài công việc chuyên môn là giảng dạy TDTT còn tham gia các hoạt động khác như tổng phụ trách đội, chủ nhiệm câu lạc bộ TDTT, bí thư chi đoàn.

Các công việc nói trên của GVTD THCS là hoàn toàn phù hợp với quy chế giáo dục thể chất trường học.

1.3. Thực trạng về số lượng GVTD các huyện miền núi tỉnh Thanh Hoá. Năm học 2014-2015, quy mô các trường học phát triển khá mạnh. 11 huyện miền núi Thanh Hóa có 200 trường THCS, với 2.400 lớp, 60.000 HS, 215 GVTD. Mặc dù đội ngũ GV hàng năm được bổ sung, song GVTD THCS hiện còn thiếu nhiều, trong khi số lượng GV văn hoá lại dư thừa dẫn tới việc phải phân công GV văn hoá dạy TD. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng dạy và học. GV lại phân bố không đồng đều giữa các trường và các huyện thị gây nên tình trạng mất cân đối ở các đơn vị.

Số lượng GVTD tăng từng năm học (2011-2012: 165; 2012-2013: 180; 2013-2014: 199; 2014-2015: 215); mặc dù vậy, mong muốn của mỗi trường là có ít nhất một GV chuyên trách giảng dạy môn TD nhưng lại chưa có sự chỉ đạo để tuyển dụng GVTD cho cấp học này.

Do quy mô trường lớp của mỗi trường là khác nhau nên nhu cầu và phân bố GV là không thể giống nhau. Để khắc phục tình trạng thừa thiếu cục bộ về số lượng GV nói chung và GVTD nói riêng, những năm gần đây ngành GD-ĐT tỉnh Thanh Hóa đã phối hợp, liên kết với các trường trong tỉnh hàng năm tiếp nhận đào tạo GVTD có trình độ đại học cho tỉnh.

Đội ngũ GV là lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng GD-ĐT của khu vực. Vì vậy, đánh giá đúng thực trạng đội ngũ GVTD là cơ sở góp phần xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhiệm vụ đào tạo và yêu cầu khách quan của thực tiễn giáo dục.

1.4. Khảo sát về số lượng và năng lực của đội ngũ GVTD. GVTD của khu vực miền núi đa số là trẻ, có khả năng thích nghi với công việc và điều kiện thực tế của cuộc sống, nhiệt tình trong giảng dạy, có chuyên môn tương đối tốt. Tuy nhiên, đội ngũ này lại thiếu kinh nghiệm trong giảng dạy cũng như nghiệp vụ sư phạm. Đây là một trong những yếu tố quan trọng mà ngành giáo dục cần đặc biệt quan tâm bồi dưỡng đội ngũ GV này. Bên cạnh đó, 11,6% số GV có độ tuổi cao, vì vậy ngành GD-ĐT cần có biện pháp, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực sẵn sàng thay thế đội ngũ GV nghỉ chế độ.

Kết quả khảo sát 200 cán bộ, GV về số lượng GVTD hiện nay cho thấy: 10% ý kiến đánh giá thừa; 40% ý kiến đánh giá đủ; 50% ý kiến đánh giá số lượng đội ngũ GVTD hiện nay là thiếu.

Kết quả khảo sát 200 cán bộ, GV về năng lực chuyên môn của đội ngũ GVTD của khu vực hiện nay như sau: 15,5% ý kiến đánh giá là đáp ứng tốt; 54% ý kiến đánh giá tương đối tốt; 30,5% ý kiến đánh giá còn nhiều hạn chế.

Chúng tôi đã tiến hành phân tích các văn bản pháp lí hiện đang có hiệu lực đối với ngành GD-ĐT tỉnh Thanh Hoá và kết quả trao đổi, phỏng vấn các cán bộ quản lí giáo dục, GVTD về công tác tuyển dụng cán bộ, sử dụng GVTD, công tác đào tạo bồi dưỡng, việc thực hiện các chính sách đối với GVTD. Kết quả cho thấy: - Những năm gần đây, số lượng tuyển GVTD rất ít. Khối THCS thì hầu như không tuyển GVTD, ở các huyện miền núi, vùng kinh tế còn nhiều khó khăn, việc sử dụng đội ngũ GV còn chưa hợp lí, nhiều trường còn chưa có GV chuyên trách giảng dạy môn TD, nhiều trường THCS còn thiếu GVTD (ở các huyện Mường Lát, Bá Thước, Quan Sơn); - Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ GV luôn được UBND tỉnh và lãnh đạo Sở GD-ĐT Thanh Hoá quan tâm chú trọng, có chế độ chính sách phù hợp cho việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV; - Điều kiện cơ sở vật chất như phòng ở của GV, các trang thiết bị phục vụ cho luyện tập của GV được trang bị đầy đủ.

Từ những kết quả nghiên cứu được trình bày ở trên, có thể thấy đội ngũ GVTD miền núi Thanh Hóa đã từng bước lớn mạnh, số lượng GVTD tăng nhanh nhưng vẫn chưa khắc phục được tình trạng thiếu GV cấp THCS; trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao; đội ngũ GV được trẻ hoá... Tuy nhiên, đội ngũ GV

có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy chủ yếu tập trung ở những trường trọng điểm, những vùng thuận lợi phát triển kinh tế. Ở những vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế chưa phát triển thì trình độ GV còn chưa cao, vẫn còn tình trạng thiếu GV, công tác tự rèn luyện, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế. Nguyên nhân chính là do: - Chưa làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ GV cho các cấp học, do đó đối với cơ sở giáo dục thiếu GV vẫn cứ thiếu; - Việc luân chuyển GV từ vùng thuận lợi đến vùng khó khăn chưa làm tốt, nên vùng khó khăn vẫn luôn thiếu GV; - Chưa có sự bổ nhiệm GV mới lên vùng cao công tác, có nhưng vẫn chưa đủ, chế độ chính sách chưa thỏa đáng, cuộc sống của GV còn khó khăn; - Sự quan tâm của gia đình đối với trường lớp chưa cao, HS chưa có tinh thần học tập.

2. Đổi mới nội dung chương trình giáo dục thể chất, đổi mới việc dạy và học môn TD trong nhà trường là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của ngành GD-ĐT và ngành Văn hóa - Thể thao và Du lịch, từ trung ương đến địa phương, nhằm đạt được mục tiêu đến năm 2030 tăng được thể lực, nhất là sức mạnh và sức bền, nâng cao được tầm vóc, nhất là chiều cao của các thế hệ thanh niên Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất công nghiệp và yêu cầu của sự hội nhập quốc tế về TDTT theo đúng tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương và Quyết định số 2198/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020.

Theo định hướng này, các trường căn cứ vào Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thành lập các câu lạc bộ thể thao tự chọn, phù hợp với điều kiện và sở thích của HS các cấp học, bậc học; phải tăng cường phối hợp liên ngành GD-ĐT với Văn hóa - Thể thao và Trung ương Đoàn tiếp tục chương trình xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực, nâng cao chất lượng Hội khỏe Phù Đổng, các giải thể thao trẻ trong thanh thiếu niên, HS, nhi đồng; tích cực tham gia các giải thể thao, đại hội TDTT khu vực, đồng thời chủ động tham gia vào việc chuẩn bị toàn diện về mọi mặt để đến năm 2019, Việt Nam đăng cai tổ chức thành công Đại hội thể thao châu Á (ASIAD) lần thứ 18. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2011). *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 Về tăng cường sự lãnh đạo của đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.*
- [2] Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 Về việc phê duyệt chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020.*

[3] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011). *Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 Quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở.*

[4] Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2009). *Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 Phê duyệt Đề án giải quyết cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc diện dôi dư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.*

[5] Lê Văn Lãm - Nguyễn Xuân Sinh - Phạm Ngọc Viễn - Lưu Quang Hiệp (1999). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao.* NXB Thể dục thể thao.

Phát triển đội ngũ cán bộ...

(Tiếp theo trang 34)

Muốn nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng GDHN nói riêng, trước hết phải nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV. Để thực hiện được điều này, cần thông qua việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng GV và CBQL trong các trường hòa nhập nhằm trang bị nhận thức, kiến thức và kĩ năng chuyên môn; quản lí hợp lí việc sử dụng nguồn nhân lực và cần có những chính sách khuyến khích nhằm xây dựng và phát triển bền vững nguồn nhân lực trong GDHN. Điều này sẽ góp phần thực hiện được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nước ta hiện nay. Muốn vậy, cần phải có sự quan tâm, phối hợp nhịp nhàng, nỗ lực phấn đấu của các cơ quan trung ương, địa phương và đội ngũ GV, CBQL đơn vị trong quá trình xây dựng và phát triển đội ngũ trong GDHN; cần có nhiều sáng kiến và thực hiện nhiều các biện pháp nhằm đảm bảo được số lượng và nâng cao được chất lượng của đội ngũ CBQL, GV dạy học hòa nhập HSKT. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2010). *Luật Người khuyết tật.* NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Đại Hội đồng Liên hợp quốc (2006). *Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật.*
- [3] *Đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình sách giáo khoa* (2016). Kỉ yếu hội thảo khoa học. Trường Cán bộ Quản lí giáo dục TP. Hồ Chí Minh.
- [4] *Phát triển và quản lí nguồn nhân lực xã hội* (2006). NXB Tư pháp.
- [5] Nguyễn Xuân Hải (2014). *Giáo dục hòa nhập trẻ em khuyết tật.* Kỉ yếu hội nghị APDF.
- [6] UNICEF REAP Project (2013). *Teacher Education for Children with Disabilities - Literature Review.*